TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2025(BĐ)/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Thị Chức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa và ông Phan Tấn Lãm

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa*:* Bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 01a/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Út E, sinh năm 1991 - *Có mặt*

Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1981 - *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: Ấp T L, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn ghi ngày 10 tháng 02 năm 2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Út E trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Út E và ông Võ Văn L tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND Ấp T, xã T, huyện B (nay là xã Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai) năm 2019. Sau khi kết hôn thì cả hai vợ chồng sống tại ấp Tân Lập, Ấp T, xã T, huyện B (cũ). Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, cãi nhau về kinh tế gia đình. Hiện nay bà E và ông L đã sống ly thân, không còn

quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà E và ông Lcảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, bà E và ông L có 01 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 17/7/2009. yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn L vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Út E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn L vì mâu thuẫn trong cuộc sống, không có tiếng nói chung , ông L không chăm lo cuộc sống gia đình và hiện nay ông L, bà E và ông L đã sống ly thân, tình cảm không hàn gắn được.

Về con chung: Yêu cầu nuôi 01 con chung Võ Minh T, sinh ngày 17/7/2009 ch đến khi đủ 18 tuổi không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông L vắng mặt, không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và về nội dung vụ án:

+ *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Út E thuộc trường hợp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Lập, Ấp T, xã T, huyện B (nay là ấp T, xã Tân T, tỉnh Đồng Nai) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 13-Đồng Nai theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn L mặc dù Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Út E và ông Võ Văn L tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND Ấp T, xã T, huyện B (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) vào năm 2019. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án niêm yết các văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Theo kết quả xác minh ngày 18/3/2025, công an xã T cung cấp: Hiện nay ông Võ Văn L vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp Tân Lập, xã Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai, nhưng không có mặt tại địa phương. Ngày 14/4/2025, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông L thì ông Nguyễn Văn Phụng (cậu ruột của ông L) cung cấp thông tin như sau: Hiện ông L không sống cùng gia đình ông mà đi làm việc ở Quảng Ngãi từ Tết đến nay không về, còn việc vợ chồng ông L bà E và ông L mâu thuẫn thì ông không nắm rõ chỉ biết bà E và ông Lnộp đơn ly hôn và ông L cũng biết việc này nhưng ông L không tâm sự gì với ông, còn nghề nghiệp ông L làm thuê. Như vậy, mặc dù Tòa án không tống đạt trực tiếp được cho bị đơn nhưng qua các biên bản xác minh với người thân thích của bị đơn cũng thể hiện việc bà E và ông Lnộp đơn ly hôn tại Tòa ông L biết nhưng không có ý kiến phản hồi.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà E và ông L đã trầm trọng, vợ chồng tình cảm không còn, không chung tay xây dựng gia đình. ông L tuy biết việc bà E yêu cầu ly hôn nhưng ông L cũng không có động thái hàn gắn, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà E và ông L là có cơ sởchấp nhận.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà E, ông L có 01 con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 17/7/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án bà E và ông L khai bà có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, bà cung cấp bản sao kê tiền hàng tháng được nhận từ công việc hiện tại; bà E có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, ông L vắng

mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày về yêu cầu đối với con chung, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay bà L là người trực tiếp nuôi con chung đồng thời tại bản tự khai cháu Tiền có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo được cuộc sống ổn định về mọi mặt của trẻ em vị thành niêm. Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần giao con chung cho bà E tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình , hợp lý và hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà E và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà E trình bày vợ chồng bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Đồng Nai về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Út E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Út E về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" giữa: nguyên đơn bà Phạm Thị Út E và bị đơn ông Võ Văn L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Út E được ly hôn với ông Võ Văn L.

2. *Về con chung:* Giao con chung Võ Minh T, sinh ngày 17/7/2009, cho bà E và ông Lđược quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015

3. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Phạm Thị Út E phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà E và ông Lđã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 13-Đồng Nai) theo biên lai số 0007255 ngày 13/3/2025.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lâm Thị Chức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13-Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13-Đồng Nai;
- UBND Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.